

Bản án số: 20/2026/DS-ST
Ngày: 28 - 01- 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bửu Khánh
Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03; ngày 26 tháng 12 và ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2025/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP KL

Địa chỉ: Đường PHT, phường RG, tỉnh AG

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần NM- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ông Trần Vũ Ng – Phó Tổng Giám đốc - Phòng Xử lý nợ Ngân hàng TMCP KL.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Anh Nguyễn Văn B – Chuyên viên cao cấp Xử lý nợ khu vực – Phòng Xử lý nợ Ngân hàng TMCP KL (Theo giấy ủy quyền số 80/QĐ-NHKL, ngày 13/01/2025)(có mặt).

- Bị đơn:

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 (có mặt)

Chị Trương Thị Th, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp ĐT, xã LT, tỉnh AG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Nguyễn Văn B đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng trình bày: Vào ngày 03/12/2009, ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị Th ký kết hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng thế chấp, cầm cố số PA0383/HĐTD&TC-CC vay số tiền

10.000.000 đồng; mục đích vay là mua xe; thời hạn vay là 12 tháng, ngày giải ngân là 08/12/2009. Lãi suất 1.4/tháng; lãi quá hạn là 150%. Việc ký kết hợp đồng ông T có ký kết hợp đồng thế chấp giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Văn T biển số 68T2-5397. Tuy nhiên, việc thế chấp này Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này chỉ yêu cầu xem xét hợp đồng tín dụng nên tôi không phải trình bày thêm phần này. Sau khi vay vốn đã đến hạn phía ông T bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T, bà Th không có thiện chí trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số nợ vay theo hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng thế chấp, cầm cố số PA0383/HĐTD&TC-CC, ngày 03/12/2009 với số tiền gốc là 10.000.000 đồng; lãi trong hạn là 751.333 đồng; lãi quá hạn là 37.730.000 đồng; lãi phạt chậm trả 13.498.956 đồng. Tổng cộng là 61.980.289 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ. Ngân hàng chỉ yêu cầu ông T, bà Th trả nợ vay chưa yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp trong vụ kiện này.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh T xác nhận có ký hợp đồng vay 10.000.000 đồng, thời gian vay và có thế chấp lại 01 giấy chứng nhận xe như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Sau khi vay vợ chồng mua bán không có hiệu quả nên đã không trả được nợ gốc cũng như đóng lãi cho Ngân hàng như cam kết. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ theo cam kết vợ chồng anh đồng ý trả nhưng xin giảm một phần lãi và xin trả góp dần theo định kỳ. Việc vay vốn ký kết hợp đồng do tự anh thực hiện, vợ anh Trương Thị Th không tham gia ký kết hợp đồng, chữ ký của vợ anh là do anh ký. Nay Ngân hàng khởi kiện anh tự nguyện chịu phần nợ này.

Tại phiên toà ngày 03 tháng 13 năm 2025, chị Trần thị Minh Thư người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP KL xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà Trương Thị Th và rút yêu cầu đối với phần lãi phạt chậm trả lãi. Yêu cầu anh T trả số tiền gốc là 10.000.000 đồng; lãi trong hạn là 751.333 đồng; lãi quá hạn là 38.710.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 49.461.333 đồng và lãi phát sinh sau ngày 28/01/2026 cho đến khi thanh toán dứt nợ trên.

Tại phiên toà ngày 28 tháng 01 năm 2026, anh Nguyễn Văn B, đại diện nguyên đơn yêu cầu anh T phải trả nợ vay tổng cộng gốc và lãi là 49.461.333 đồng và lãi phát sinh sau ngày 28/01/2026, cho đến khi thanh toán dứt nợ trên và thống nhất cho bị đơn anh Nguyễn Văn T trả số tiền nợ trên vào ngày 31/3/2026 và lãi phát sinh.

Tại phiên toà ngày 28 tháng 01 năm 2026, bị đơn anh Nguyễn Văn T đồng ý trả số tiền nợ Ngân hàng nhưng xin đến tháng 3 năm 2026 sẽ trả đủ số tiền như Ngân hàng đã tính là 49.461.333 đồng (bốn mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do các đương sự thống nhất với nhau về số tiền phải trả và phương thức trả nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà.

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do đại diện nguyên đơn đã rút.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP KL khởi kiện anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp Đồng Tràm, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp Đồng Tràm, xã Long Thạnh, tỉnh An Giang), theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T phải trả số nợ vay theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng thế chấp, cầm cố xác định là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần KL khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn T trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng thế chấp cầm cố số: PA0383, ngày 03/12/2009. Tại phiên toà anh Nguyễn Văn B đại diện Ngân hàng TMCP KL và bị đơn anh Nguyễn Văn T thống nhất anh T nợ Ngân hàng tính đến ngày 28/01/2026 số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng; lãi trong hạn là 751.333 đồng; lãi quá hạn là 38.710.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là

49.461.333 đồng. Anh Nguyễn Văn B thống nhất cho anh Nguyễn Văn T trả số nợ gốc và lãi là 49.461.333 đồng vào ngày 31/03/2026 và lãi phát sinh sau ngày 28/01/2026. Ngân hàng sẽ trả lại giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Văn T biển số 68T2-5397, đã thế chấp theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng thế chấp, cầm cố, ngày 03/12/2009. Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án nên ghi nhận sự tự nguyện của các bên.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với đại diện nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Trương Thị Th và rút lại phần yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi.

[4] Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị anh Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $49.461.333 \text{ đồng} \times 5\% = 2.473.066 \text{ đồng}$ (hai triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền 1.209.525 đồng do Nguyễn Hữu Khôn nộp thay, theo biên lai thu số 0013105, ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – An Giang).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212; Điều 213; Điều 244; Điều 246; Điều 264; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, khoản 1 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần KL ghi nhận sự thỏa thuận của các bên: Vào ngày 31/3/2026, anh Nguyễn Văn T phải trả số tiền nợ cho Ngân hàng TMCP KL tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 28/01/2026 với số tiền là 49.461.333 đồng (bốn mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) và lãi phát sinh sau ngày

28/01/2026 đến khi trả dứt số tiền nợ, theo hợp đồng thế chấp cầm cố số: PA0383, ngày 03/12/2009.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do Ngân hàng TMCP KL đã rút đối với yêu cầu khởi kiện chị Trương Thị Th và tiền phạt chậm trả lãi.

2. Án phí:

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền 1.209.525 đồng do Nguyễn Hữu Khôn nộp thay, theo biên lai thu số 0013105, ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – An Giang).

Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 2.473.066 đồng (*hai triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng*).

3. Nguyên đơn và bị đơn anh Nguyễn Văn T có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Trương Thị Th vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV 5 - AG;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

